

**CÔNG TY CỔ PHẦN
VẬN TẢI ĐƯỜNG SẮT SÀI GÒN**

Số: **1575** /VTSG-KD&CSKH

V/v Chính sách giá vé áp dụng cho
CBCNV và thân nhân của CBCNV
Ngành đường sắt năm 2023.

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày **28** tháng 10 năm 2022

- Kính gửi: - Tổng công ty đường sắt Việt Nam;
- Công đoàn Tổng công ty ĐSVN;
- Các đơn vị trực thuộc Tổng công ty ĐSVN;
- Các Công ty có vốn góp của Tổng công ty ĐSVN;
- Công ty Cổ phần VTĐS Hà Nội;
- Các đơn vị trực thuộc Công ty;
- Công ty cổ phần phần mềm Thăng Long.

Căn cứ tờ trình số 90/TTr-KD&CSKH ngày 27/10/2022 của phòng Kinh doanh và Chăm sóc khách hàng về việc đề xuất thời gian áp dụng, giá bán cho CBCNV và thân nhân của CBCNV ngành đường sắt sử dụng phương tiện tàu hỏa để đi lại. Công ty Cổ phần VTĐS Sài Gòn áp dụng chính sách giá vé cho CBCNV và thân nhân của CBCNV Ngành đường sắt đi trên các đoàn tàu khách do Công ty Cổ phần VTĐS Sài Gòn quản lý trong năm 2023 như sau:

I. Thời gian đi tàu áp dụng:

- Kể từ ngày 03/01/2023 đến hết ngày 12/01/2023;
- Kể từ ngày 06/02/2023 đến hết ngày 26/4/2023;
- Kể từ ngày 04/5/2023 đến hết ngày 31/5/2023;
- Kể từ ngày 14/8/2023 đến hết ngày 30/8/2023;
- Kể từ ngày 05/9/2023 đến hết ngày 27/12/2023.

II. Đối tượng áp dụng:

- Là CBCNV ngành Đường sắt bao gồm cả CBCNV của các đơn vị có vốn góp của Tổng công ty ĐSVN từ 51% trở lên và từ 50% trở xuống hoặc đã thoái vốn (có danh sách kèm theo).
- Thân nhân của CBCNV bao gồm: Bố, mẹ (của vợ hoặc chồng), vợ (hoặc chồng) và con đẻ, con nuôi (được pháp luật công nhận).

III. Chính sách giá vé:

1. Đối với CBCNV ngành Đường sắt bao gồm cả CBCNV của các đơn vị có vốn góp của Tổng công ty ĐSVN từ 51% trở lên (gồm CBCNV và thân nhân):

1.1. Đối với vé cá nhân: Giá bán bằng 70% giá vé cùng thời điểm.

1.2. Đối với vé tập thể:

- Tập thể từ 10 người đến 50 người: Giá bán bằng 66% giá vé cùng thời điểm.
- Tập thể từ 51 người đến 100 người: Giá bán bằng 62% giá vé cùng thời điểm.

- Tập thể từ 101 người trở lên: Giá bán bằng 60% giá vé cùng thời điểm.

2. Đối với CBCNV của các đơn vị là thành viên Tổng công ty ĐSVN có vốn góp từ 50% trở xuống hoặc đã thoái vốn (gồm CBCNV và thân nhân):

2.1. Đối với vé cá nhân: Giá bán bằng 80% giá vé cùng thời điểm.

2.2. Đối với vé tập thể:

- Tập thể từ 10 người đến 50 người: Giá bán bằng 76% giá vé cùng thời điểm.

- Tập thể từ 51 người đến 100 người: Giá bán bằng 72% giá vé cùng thời điểm.

- Tập thể từ 101 người trở lên: Giá bán bằng 70% giá vé cùng thời điểm.

3. Đối với CBCNV và thân nhân thuộc Công ty Cổ phần VTĐS Sài Gòn:

3.1. Đối với vé cá nhân:

- Thực hiện theo quyết định số 566/QĐ-VTSG ngày 30/11/2016 về việc ban hành Quy chế quản lý, cấp và sử dụng Phiếu mua vé giảm giá và văn bản số 1371/VTSG-KD&CSKH ngày 28/10/2022 về việc Quy định thời gian sử dụng Phiếu mua vé giảm giá năm 2023.

- Trường hợp CBCNV không sử dụng Phiếu giảm giá thì có thể chọn mua vé theo hình thức CBCNV Ngành đường sắt (quy định tại điểm 1.1 mục III của văn bản này).

3.2. Đối với vé tập thể:

- Tập thể từ 10 người đến 50 người: Giá bán bằng 56% giá vé cùng thời điểm.

- Tập thể từ 51 người đến 100 người: Giá bán bằng 52% giá vé cùng thời điểm.

- Tập thể từ 101 người trở lên: Giá bán bằng 50% giá vé cùng thời điểm.

4. Trường hợp Công ty đang áp dụng nhiều chương trình giá vé khác nhau thì CBCNV và thân nhân chỉ được hưởng một chính sách giá vé duy nhất. Giá vé sau khi đã giảm trừ không được thấp hơn giá vé tối thiểu là 30.000 đồng/vé (đã bao gồm thuế VAT và phí BHHK).

IV. Quy định khác:

1. Địa điểm mua vé: tại các điểm bán vé của các Chi nhánh VTĐS (trừ Đại lý bán vé tàu hỏa).

2. Thủ tục mua vé và hướng dẫn bán, đổi, trả vé thực hiện theo quy định tại văn bản số 1183/VTSG-KD&CSKH ngày 31/7/2018; văn bản số 1288/VTSG-KD&CSKH ngày 17/9/2019 và văn bản số 1538/VTSG-KD&CSKH ngày 14/12/2020 của Công ty Cổ phần VTĐS Sài Gòn.

3. Quy định đổi, trả vé:

Thời gian và mức phí đổi, trả vé được thực hiện theo quy định đổi, trả vé tại các văn bản giá vé cùng thời điểm do Công ty Cổ phần VTĐS Sài Gòn ban hành.

4. Quy định khi hành khách đi tàu:

- Đối với cá nhân và tập thể khi đi tàu phải mang đầy đủ giấy giới thiệu, giấy tờ tùy thân hợp lệ có thông tin trùng khớp với Thẻ lên tàu hỏa và danh sách CBCNV và Thân nhân đi tàu.

- Trường hợp hành khách đi tàu không đúng đối tượng được giảm giá thì coi như người đi tàu có vé không hợp lệ và giải quyết theo quy định hiện hành.

V. Tổ chức thực hiện:

1. Văn bản này có hiệu lực kể từ ngày ký.
2. Lãnh đạo các đơn vị trực thuộc Công ty Cổ phần VTĐS Sài Gòn triển khai văn bản đến CBCNV đơn vị để thực hiện.
3. Phòng KD&CSKH:
 - Tham mưu, điều chỉnh thời gian áp dụng và các chính sách giá vé liên quan đến CBCNV cho phù hợp với thực tế.
 - Theo dõi việc thực hiện của các đơn vị, tham mưu giải quyết các vướng mắc phát sinh trong quá trình thực hiện.
4. Phòng Tài chính kế toán:
 - Hướng dẫn các đơn vị thực hiện báo cáo và thẩm hạch vé bán giảm giá theo đúng quy định.
 - Phối hợp với các phòng nghiệp vụ giải quyết xử lý đối với các đơn vị bán vé sai quy định.
5. Phòng CNTT-TK:
 - Báo cáo số lượng vé bán giảm giá cho CBCNV Ngành đường sắt khi có yêu cầu.
 - Phối hợp với Công ty cổ phần phần mềm Thăng Long giải quyết các vấn đề phát sinh của hệ thống bán vé điện tử trong quá trình thực hiện.

Công ty Cổ phần VTĐS Sài Gòn kính đề nghị Tổng công ty ĐSVN và Công đoàn Tổng công ty ĐSVN giúp đỡ đưa thông tin chương trình giảm giá đến các đơn vị trong Tổng công ty để CBCNV biết và sử dụng phương tiện đường sắt khi đi lại nhằm nâng cao hệ số sử dụng chỗ trên các đoàn tàu, góp phần hoàn thành kế hoạch sản xuất kinh doanh của các Công ty Vận tải đường sắt.

Đề nghị Công ty Cổ phần VTĐS Hà Nội và Công ty cổ phần phần mềm Thăng Long phối hợp chỉ đạo các đơn vị liên quan tổ chức thực hiện.

Nơi nhận:

- Như trên;
- HDQT Công ty (để báo cáo);
- Ban TGD Công ty;
- Ban KS Công ty;
- ĐU, CĐ, ĐTN Công ty;
- Các Phòng Công ty;
- Lưu VT, KD&CSKH.



Thái Văn Truyền

| TT | TÊN ĐƠN VỊ | |
|--|--|--|
| 1. CÁC ĐƠN VỊ HẠCH TOÁN PHỤ THUỘC | | |
| 1.1 | Trung tâm Điều hành giao thông vận tải Đường sắt | |
| 1.2 | Văn phòng và các Ban của Tổng công ty Đường sắt VN | |
| 1.3 | Chi nhánh Khai thác Đường sắt Hà Nội | |
| 1.4 | Chi nhánh Khai thác Đường sắt Lào Cai | |
| 1.5 | Chi nhánh Khai thác Đường sắt Hà Lào | |
| 1.6 | Chi nhánh Khai thác Đường sắt Hà Lạng | |
| 1.7 | Chi nhánh Khai thác Đường sắt Hà Thái Hải | |
| 1.8 | Chi nhánh Khai thác Đường sắt Hà Thanh | |
| 1.9 | Chi nhánh Khai thác Đường sắt Nghệ Tĩnh | |
| 1.10 | Chi nhánh Khai thác Đường sắt Thừa Thiên – Huế | |
| 1.11 | Chi nhánh Khai thác Đường sắt Nghĩa Bình | |
| 1.12 | Chi nhánh Khai thác Đường sắt Phú Khánh | |
| 1.13 | Chi nhánh Khai thác Đường sắt Sài Gòn | |
| 1.14 | Chi nhánh ga Đồng Đăng | |
| 1.15 | Chi nhánh Xí nghiệp Đầu máy Hà Nội | |
| 1.16 | Chi nhánh Xí nghiệp Đầu máy Yên Viên | |
| 1.17 | Chi nhánh Xí nghiệp Đầu máy Vinh | |
| 1.18 | Chi nhánh Xí nghiệp Đầu máy Đà Nẵng | |
| 1.19 | Chi nhánh Xí nghiệp Đầu máy Sài Gòn | |
| 2. CÁC ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP | | |
| 2.1 | Trường Cao đẳng nghề Đường sắt | |
| 2.2 | Trung tâm Y tế Đường sắt | |
| 2.3 | Ban Quản lý Đường sắt Khu vực I | |
| 2.4 | Ban Quản lý Đường sắt Khu vực II | |
| 2.5 | Ban Quản lý Đường sắt Khu vực III | |
| 3. CÁC CÔNG TY CỔ PHẦN DO TCT ĐSVN NẮM GIỮ > 51% VỐN ĐIỀU LỆ | | |
| 3.1 | Công ty Cổ phần Vận tải đường sắt Sài Gòn | |
| 3.2 | Công ty Cổ phần Vận tải đường sắt Hà Nội | |
| 3.3 | Công ty Cổ phần đường sắt Yên Lào | |
| 3.4 | Công ty Cổ phần đường sắt Vĩnh Phú | |
| 3.5 | Công ty Cổ phần đường sắt Hà Lạng | |
| 3.6 | Công ty Cổ phần đường sắt Hà Hải | |

| | | |
|---|--|--|
| 3.7 | Công ty Cổ phần đường sắt Hà Thái | |
| 3.8 | Công ty Cổ phần đường sắt Hà Ninh | |
| 3.9 | Công ty Cổ phần đường sắt Thanh Hóa | |
| 3.10 | Công ty Cổ phần đường sắt Nghệ Tĩnh | |
| 3.11 | Công ty Cổ phần đường sắt Quảng Bình | |
| 3.12 | Công ty Cổ phần đường sắt Bình Trị Thiên | |
| 3.13 | Công ty Cổ phần đường sắt Quảng Nam – Đà Nẵng | |
| 3.14 | Công ty Cổ phần đường sắt Nghĩa Bình | |
| 3.15 | Công ty Cổ phần đường sắt Phú Khánh | |
| 3.16 | Công ty Cổ phần đường sắt Thuận Hải | |
| 3.17 | Công ty Cổ phần đường sắt Sài Gòn | |
| 3.18 | Công ty Cổ phần TTHH ĐS Bắc Giang | |
| 3.19 | Công ty Cổ phần TTHH ĐS Hà Nội | |
| 3.20 | Công ty Cổ phần TTHH ĐS Vinh | |
| 3.21 | Công ty Cổ phần TTHH ĐS Đà Nẵng | |
| 3.22 | Công ty Cổ phần TTHH ĐS Sài Gòn | |
| 3.23 | Công ty Cổ phần Xe lửa Dĩ An | |
| 3.24 | Công ty Cổ phần Xe lửa Gia Lâm | |
| 3.25 | Công ty Cổ phần Đá Đồng Mỏ | |
| 4. CÁC CÔNG TY CỔ PHẦN DO TCT ĐSVN NẴM GIỮ TỪ 50% VỐN ĐIỀU LỆ TRỞ XUỐNG VÀ KHÔNG CÓ VỐN ĐIỀU LỆ CỦA TCT ĐSVN | | |
| 4.1 | Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu vật tư thiết bị đường sắt | |
| 4.2 | Công ty Cổ phần Đầu tư xây dựng công trình I | |
| 4.3 | Công ty Cổ phần Công trình 2 | |
| 4.4 | Công ty Cổ phần Đầu tư xây dựng công trình 3 | |
| 4.5 | Công ty Cổ phần Công trình 6 | |
| 4.6 | Công ty Cổ phần Đầu tư công trình Hà Nội | |
| 4.7 | Công ty Cổ phần Xây dựng công trình Đà Nẵng | |
| 4.8 | Công ty Cổ phần Toa xe Hải Phòng | |
| 4.9 | Công ty Cổ phần Viễn thông tín hiệu đường sắt | |
| 4.10 | Công ty Cổ phần Đầu tư kinh doanh Thống Nhất | |
| 4.11 | Công ty Cổ phần tư vấn Đầu tư và Xây dựng Giao thông vận tải | |
| 4.12 | Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Giao thông vận tải | |
| 4.13 | Công ty Cổ phần Tư vấn đầu tư và Xây dựng đường sắt | |
| 4.14 | Công ty Cổ phần đá Mỹ Trang | |
| 4.15 | Công ty Cổ phần Xây lắp và Cơ khí cầu đường | |
| 4.16 | Công ty Cổ phần dịch vụ đường sắt Khu vực I | |
| 4.17 | Công ty Cổ phần dịch vụ Vận tải đường sắt | |

| | | |
|------|---|--|
| 4.18 | Công ty Cổ phần Vận tải và Thương mại đường sắt | |
| 4.19 | Công ty Cổ phần dịch vụ du lịch đường sắt Hà Nội | |
| 4.20 | Công ty Cổ phần Sài Gòn hỏa xa | |
| 4.21 | Công ty Cổ phần Hải Vân Nam | |
| 4.22 | Cơ quan Công ty Cổ phần Tổng công ty Công trình đường sắt | |
| 4.23 | Công ty Cổ phần Công trình 791 | |
| 4.24 | Công ty Cổ phần Công trình 792 | |
| 4.25 | Công ty Cổ phần Công trình 793 | |
| 4.26 | Công ty Cổ phần Xây dựng công trình đường sắt 796 | |
| 4.27 | Công ty Cổ phần Công trình 798 | |
| 4.28 | Công ty Cổ phần Công trình 875 | |
| 4.29 | Công ty Cổ phần Cơ khí và Xây dựng Công trình 878 | |
| 4.30 | Công ty Cổ phần Công trình 879 | |
| 4.31 | Công ty Cổ phần đá Hoàng Mai | |
| 4.32 | Công ty TNHH MTV Xuất nhập khẩu và Thương mại tổng hợp | |
| 4.33 | Công ty TNHH MTV Vật tư đường sắt Đà Nẵng | |
| 4.34 | Công ty Cổ phần Đầu tư phát triển hạ tầng và Đô thị đường sắt | |
| 4.35 | Khách sạn đường sắt | |

Tên đơn vị chủ quản:

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Tên đơn vị:.....

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

.....ngày tháng năm 20...

**DANH SÁCH CBCNV VÀ THÂN NHÂN CBCNV
NGÀNH ĐƯỜNG SẮT MUA VÉ ĐI TÀU**

Lượt đi: Từ ga:..... Đến ga:.....

Ngày đi tàu:...../...../.....

Lượt về: Từ ga:..... Đến ga:.....

Ngày đi tàu:...../...../.....

| STT | Họ và tên | Bộ phận công tác | Quan hệ | Năm sinh | Giấy tờ tùy thân | Mã vé bán | Mã vé đổi |
|-----|-----------|------------------|---------|----------|------------------|-----------|-----------|
| 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 |
| 01 | | | | | | | |
| 02 | | | | | | | |
| 03 | | | | | | | |
| 04 | | | | | | | |
| 05 | | | | | | | |
| ... | | | | | | | |

Ghi chú: - Cột 6: Ghi chính xác và đầy đủ số giấy tờ tùy thân.

- Cột 7, 8: Nhân viên bán vé ghi chính xác mã vé bán, đổi của từng hành khách.

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ**NGƯỜI LẬP****XÁC NHẬN NƠI BÁN VÉ**

Tổng số vé bán:.....

(Đóng dấu đơn vị bán vé)

XÁC NHẬN NƠI ĐỔI VÉ

Tổng số vé đổi:.....

(Đóng dấu đơn vị đổi vé)